

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**ÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC
VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
FAC AUDITING CO., LTD

Website : www.kiemtoan.net.vn

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 5
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6 - 7
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán	8 - 11
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 - 14
4.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính	15 - 35

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp Nước và Môi Trường Đô Thị Đồng Tháp ("Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp Nước và Môi Trường Đô Thị Đồng Tháp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu vào ngày 27 tháng 9 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp chín lần cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, những lần thay đổi cụ thể gần đây như sau:

- Thay đổi lần thứ bảy ngày 26/10/2012 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh;
- Thay đổi lần thứ tám ngày 07/06/2013 về việc đăng ký thêm chi nhánh số 6;
- Thay đổi lần thứ chín ngày 03/08/2013 về việc thay đổi người đại diện pháp luật của công ty.
- Thay đổi lần thứ mười ngày 17/10/2013 về việc cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 50.844.000.000 VND.

Chủ sở hữu của công ty là Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp có trụ sở đặt tại số 12, đường 30/4, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 01 Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Điện thoại	: (067) 3853332	Fax	: (067) 3852825
Email	: capthoatdt@dowasen.com	Website	: http://www.dowasen.com/
Mã số thuế	: 1400101205		

Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp - Số 1: địa chỉ đặt tại số 207B, Trần Hưng Đạo, phường 1, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp;
- Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp - Số 2: địa chỉ đặt tại số 1, Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp - Số 3: địa chỉ đặt tại ấp Tân Đông A, thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;
- Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp - Số 4: địa chỉ đặt tại quốc lộ 30, phường An Lộc, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;
- Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp - Số 5: địa chỉ đặt tại quốc lộ 80, thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp;
- Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp - Số 6: địa chỉ đặt tại đường Hùng Vương, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp;
- Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp - Xi nghiệp Xây lắp và Vật tư: địa chỉ đặt tại số 1, Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp - Xi nghiệp Dịch vụ và Môi trường Đô thị: địa chỉ đặt tại số 15/4, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chi nhánh Công ty DOWASEN. Ltd - Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng và Cấp thoát nước: địa chỉ đặt tại số 1, Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 17 tháng 10 năm 2013 bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống);
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Dịch vụ mai táng, xây mộ, chăm sóc mộ, trồng hoa kiểng;
- Xây dựng, khai thác, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đô thị, nông thôn (cầu, đường, thoát nước, vỉa hè, công viên, cây xanh, điện chiếu sáng công cộng, nghĩa trang nhân dân, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải);
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi;
- Tư vấn xây dựng. Khảo sát địa chất công trình. Khảo sát địa chất thủy văn. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật. Giám sát công trình dân dụng, công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật, lĩnh vực lắp thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện. Thiết kế công trình cấp thoát nước. Dịch vụ tư vấn xây dựng: lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án, thẩm tra hồ sơ thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước. Lập và xét hồ sơ đầu thầu. Khảo sát địa hình trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình. Thiết kế kết cấu công trình giao thông (cầu, đường bộ). Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi. Thẩm tra thiết kế kết cấu công trình giao thông (cầu, đường bộ). Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình thủy lợi. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông (cầu, đường bộ); thủy lợi. Thiết kế công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp), hệ thống điện trong công trình xây dựng. Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp), hệ thống điện trong công trình xây dựng;
- Dịch vụ vệ sinh cơ quan, hộ gia đình;
- Dịch vụ hút hầm cầu, vận chuyển phế liệu xây dựng, vận chuyển, di dời đồ đạc cơ quan, gia đình, công trình xây dựng;
- Chăm sóc hoa kiểng cơ quan, hộ gia đình;
- Vườn ươm cây;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường; lập báo cáo giám sát, quan trắc nước và môi trường; lập phương án phân vùng, tách mạng, phòng và chống thất thu, thất thoát nước, quản lý tài sản;
- Sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình;
- Mua bán nước uống đóng chai, đóng bình.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 8 đến trang 35).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Số 01 Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

CHỦ TỊCH CÔNG TY, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch công ty, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch công ty

Ông Từ Phát Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29/07/2013
------------------	----------	--------------------------

Ban kiểm soát

Bà Phạm Thị Kim Dung	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 26/09/2012
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 29/08/2012

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Đình Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/07/2013
Ông Trần Minh Thiện	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/09/2011
Ông Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/09/2011
Ông Nguyễn Thượng Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/01/2014
Ông Phạm Chí Thức	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 30/09/2011

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÁP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập và trình bày báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc Công ty



Từ Phát Minh

Chủ tịch Công ty

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 6 năm 2014

Số: 102/2014/BCTC-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Chủ tịch công ty và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp Nước và Môi Trường Đô Thị Đồng Tháp

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp Nước và Môi Trường Đô Thị Đồng Tháp ("Công ty"), được lập ngày 12 tháng 6 năm 2014, từ trang 8 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch công ty và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch công ty và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi được chỉ định cuộc kiểm toán sau ngày kết thúc năm tài chính, Kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013. Với tài liệu được cung cấp, các thủ tục kiểm toán thay thế khác cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn về số lượng cũng như tình trạng của hàng tồn kho với giá trị 24.791.614.881 đồng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp Nước và Môi Trường Đô Thị Đồng Tháp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Hoàng Lam - Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0701-2013-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2014

Nguyễn Xuân Dũng - Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1494-2013-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		95.429.522.272	85.217.413.089
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV. 1	19.399.845.740	10.686.342.058
1. Tiền	111		11.399.845.740	8.686.342.058
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	2.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.980.971.348	41.332.324.416
1. Phải thu khách hàng	131	IV. 2	42.138.866.352	37.797.183.568
2. Trả trước cho người bán	132	IV. 3	3.235.666.569	2.794.353.498
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	IV. 4	808.038.181	1.972.055.421
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	IV. 5	(1.201.599.754)	(1.231.268.071)
IV. Hàng tồn kho	140		24.791.614.881	24.026.516.084
1. Hàng tồn kho	141	IV. 6	24.791.614.881	24.026.516.084
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.257.090.303	9.172.230.531
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV. 7	190.104.611	317.143.333
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	IV. 8	738.282.113	649.070.334
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	IV. 9	5.328.703.579	8.206.016.864

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC
VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**

Số 01 Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		322.613.305.522	306.995.683.174
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		312.003.313.509	296.110.481.932
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV. 10	270.993.627.788	259.883.888.806
Nguyên giá	222		401.506.164.072	377.423.183.963
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(130.512.536.284)	(117.539.295.157)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV. 11	3.785.270.715	3.607.226.171
Nguyên giá	228		4.420.461.413	3.986.608.513
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(635.190.698)	(379.382.342)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV. 12	37.224.415.006	32.619.366.955
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		584.040.000	584.040.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	IV. 13	584.040.000	584.040.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.025.952.013	10.301.161.242
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV. 14	10.025.952.013	10.301.161.242
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		418.042.827.794	392.213.096.263

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC
VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**

Số 01 Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		98.670.239.733	87.069.405.738
I. Nợ ngắn hạn	310		67.522.966.591	48.976.215.682
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	IV. 15	8.420.690.670	3.057.813.783
2. Phải trả người bán	312	IV. 16	16.201.396.495	16.659.526.352
3. Người mua trả tiền trước	313	IV. 17	6.867.493.687	6.456.658.498
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV. 18	2.461.981.229	2.648.923.197
5. Phải trả người lao động	315		11.887.852.355	12.391.087.429
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả gọi bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV. 19	10.825.842.256	4.380.338.111
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	IV. 20	7.500.000.000	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.357.709.899	3.381.868.312
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		31.147.273.142	38.093.190.056
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	IV. 21	31.147.273.142	38.082.690.056
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	10.500.000
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		319.372.588.061	305.143.690.525
I. Vốn chủ sở hữu	410		317.292.845.178	304.090.293.360
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	IV. 22	283.427.994.532	273.165.180.045
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	IV. 22	330.000.000	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	IV. 22	6.697.593.646	7.949.155.974
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	2.137.742.341
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	IV. 22	26.837.257.000	20.838.215.000
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.079.742.883	1.053.397.165
1. Nguồn kinh phí	432		2.079.742.883	1.053.397.165
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		418.042.827.794	392.213.096.263

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.591.050.000	1.591.050.000
5. Ngoại tệ các loại		-	-
Dollar Mỹ (USD)		-	-
Euro (EUR)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 6 năm 2014

Phạm Chí Thức
Kế toán trưởng

Phan Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Từ Phát Minh
Chủ tịch Công ty

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V. 1	187.486.659.576	159.460.610.762
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V. 1	15.000	7.848.220
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V. 1	187.486.644.576	159.452.762.542
4. Giá vốn hàng bán	11	V. 2	143.940.426.113	115.647.106.570
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.546.218.463	43.805.655.972
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V. 3	299.840.863	232.480.499
7. Chi phí tài chính	22	V. 4	1.894.514.637	6.877.426.861
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.894.514.637	2.106.980.383
8. Chi phí bán hàng	24	V. 5	19.982.562.929	18.117.649.855
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V. 6	15.279.963.951	12.780.261.487
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.689.017.809	6.262.798.268
11. Thu nhập khác	31	V. 7	864.814.171	1.815.170.357
12. Chi phí khác	32	V. 8	451.082.008	94.439.386
13. Lợi nhuận khác	40		413.732.163	1.720.730.971
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.102.749.972	7.983.529.239
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V. 9	1.320.456.275	1.109.725.818
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.782.293.697	6.873.803.421

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 6 năm 2014

Phạm Chí Thức
Kế toán trưởng

Phan Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Từ Phát Minh
Chủ tịch Công ty



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.102.749.972	7.983.529.239
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	IV. 10, 11	22.627.222.907	17.675.564.204
- Các khoản dự phòng	03		(29.668.317)	436.137.595
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V. 3	299.840.863	(222.747.467)
- Chi phí lãi vay	06	V. 4	1.894.514.637	2.106.980.383
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		31.894.660.062	27.979.463.954
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(830.877.109)	12.439.994.839
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(765.098.797)	(7.609.942.617)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(17.283.802.035)	28.772.066.015
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		402.247.951	6.468.168.020
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.894.514.637)	(2.106.980.383)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(801.841.335)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.522.615.435	65.140.928.493
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.236.759.595)	(40.382.561.967)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V. 3	(299.840.863)	222.747.467
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.536.600.458)	(40.159.814.500)

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC
VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**

Số 01 Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	IV. 15, 22	19.045.610.053	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	IV. 15, 22	(18.318.121.348)	(14.683.959.609)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(3.689.367.082)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		727.488.705	(18.373.326.691)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.713.503.682	6.607.787.302
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	IV. 1	10.686.342.058	4.078.554.756
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	IV. 1	19.399.845.740	10.686.342.058

Phạm Chí Thức
Kế toán trưởng

Phan Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Từ Phát Minh
Chủ tịch Công ty



Đồng Tháp, ngày 12 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Giấy phép hoạt động

Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp Nước và Môi Trường Đô Thị Đồng Tháp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu vào ngày 27 tháng 9 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp chín lần cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, những lần thay đổi cụ thể gần đây như sau:

<u>Thay đổi đăng ký kinh doanh</u>	<u>Số Giấy chứng nhận</u>	<u>Ngày cấp</u>
Bổ sung ngành nghề kinh doanh	1400101205	26/10/2012
Đăng ký thêm chi nhánh số 6	1400101205	07/06/2013
Thay đổi người đại diện pháp luật của công ty	1400101205	03/08/2013
Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	1400101205	17/10/2013

Chủ sở hữu của công ty là Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp có trụ sở đặt tại số 12, đường 30/4, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 17 tháng 10 năm 2013 bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống);
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Dịch vụ mai táng, xây mộ, chăm sóc mộ, trồng hoa kiểng;
- Xây dựng, khai thác, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đô thị, nông thôn (cầu, đường, thoát nước, vỉa hè, công viên, cây xanh, điện chiếu sáng công cộng, nghĩa trang nhân dân, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải);
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi;
- Tư vấn xây dựng. Khảo sát địa chất công trình. Khảo sát địa chất thủy văn. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật. Giám sát công trình dân dụng, công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật, lĩnh vực lắp thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện. Thiết kế công trình cấp thoát nước. Dịch vụ tư vấn xây dựng: lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án, thẩm tra hồ sơ thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước. Lập và xét hồ sơ đấu thầu. Khảo sát địa hình trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình. Thiết kế kết cấu công trình giao thông (cầu, đường bộ). Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi. Thẩm tra thiết kế kết cấu công trình giao thông (cầu, đường bộ). Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình thủy lợi. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông (cầu, đường bộ); thủy lợi. Thiết kế công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp), hệ thống điện trong công trình xây dựng. Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp), hệ thống điện trong công trình xây dựng;
- Dịch vụ vệ sinh cơ quan, hộ gia đình;

- Dịch vụ hút hầm cầu, vận chuyển phế liệu xây dựng, vận chuyển, di dời đồ đạc cơ quan, gia đình, công trình xây dựng;
- Chăm sóc hoa kiểng cơ quan, hộ gia đình;
- Vườn ươm cây;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường; lập báo cáo giám sát, quan trắc nước và môi trường; lập phương án phân vùng, tách mạng, phòng và chống thất thu, thất thoát nước, quản lý tài sản;
- Sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình;
- Mua bán nước uống đóng chai, đóng bình.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 01 Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp - Số 1: địa chỉ đặt tại số 207B, Trần Hưng Đạo, phường 1, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp;
- Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp - Số 2: địa chỉ đặt tại số 1, Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp - Số 3: địa chỉ đặt tại ấp Tân Đông A, thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;
- Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp - Số 4: địa chỉ đặt tại quốc lộ 30, phường An Lộc, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;
- Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp - Số 5: địa chỉ đặt tại quốc lộ 80, thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp;
- Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp - Số 6: địa chỉ đặt tại đường Hùng Vương, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp;
- Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp - Xi nghiệp Xây lắp và Vật tư: địa chỉ đặt tại số 1, Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp - Xi nghiệp Dịch vụ và Môi trường Đô thị: địa chỉ đặt tại số 15/4, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Chi nhánh Công ty DOWASEN. Ltd - Xi nghiệp Tư vấn Xây dựng và Cấp thoát nước: địa chỉ đặt tại số 1, Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là: 135 người (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 128 người).

2. Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Từ Phát Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29/07/2013
Ông Phan Đình Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/07/2013
Ông Trần Minh Thiện	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/09/2011
Ông Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/09/2011
Ông Nguyễn Thương Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/01/2014
Ông Phạm Chí Thúc	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 30/09/2011

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày theo nguyên tắc giá gốc dựa trên cơ sở giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

2. Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là chứng từ ghi sổ.

4. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ tài chính ban hành thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 06 năm 2013 và áp dụng từ năm tài chính năm 2013.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

7. Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-40 năm
- Máy móc và thiết bị	03-30 năm
- Phương tiện vận tải	07-30 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-07 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	20 năm
- Phần mềm quản lý đường ống	03 năm
- Chi phí sản lắp đặt mặt bằng	25 năm

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chi phí lắp đặt đồng hồ nước
- Thuê quyền sử dụng đất
- Chi phí đầu tư hệ thống cấp nước Sa Đéc
- Chi phí công cụ, dụng cụ
- Chi phí khác

12. Đầu tư dài hạn khác và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

13. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Vốn Ngân sách Nhà nước cấp được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư và do doanh nghiệp tự bổ sung.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Doanh thu từ hợp đồng xây dựng: Khi kết quả hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng giảm khối lượng hoặc các khoản thu khác chỉ được ghi nhận vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với phần chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

- Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính giữ sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các loại tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các loại tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính niêm yết và không niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các loại nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm nợ phải trả người bán, nợ phải trả khác, các khoản vay và nợ.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VI.1.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	01/01/2013
Tiền mặt tại quỹ	398.643.445	84.574.842
Tiền gửi ngân hàng	11.001.202.295	8.601.767.216
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tính đến ngày đáo hạn dưới 3 tháng)	8.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	19.399.845.740	10.686.342.058

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2013	01/01/2013
Phải thu khách hàng từ xây lắp	27.194.214.887	24.620.352.417
Phải thu tiền nước sinh hoạt	3.036.802.187	3.590.397.490
Phải thu tiền thu gom và vận chuyển rác	8.294.324.138	6.940.008.754
Phải thu tiền công viên cây xanh	3.144.518.702	2.300.753.246
Phải thu các khách hàng khác	469.006.438	345.671.661
Cộng	42.138.866.352	37.797.183.568

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2013	01/01/2013
Công ty TNHH Xây dựng Phát Thành Đạt	1.847.591.000	1.847.591.000
Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Cao Lãnh	644.931.000	-
Các nhà cung cấp khác	743.144.569	946.762.498
Cộng	3.235.666.569	2.794.353.498

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC
VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**

Số 01 Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
Thuế thu nhập cá nhân	242.001.320	658.184.476
Chi nhánh Dowasen số 2	281.397.626	269.439.758
Phải thu khác	284.639.235	1.044.431.187
Cộng	808.038.181	1.972.055.421

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2013	01/01/2013
Dự phòng cho các khoản nợ chưa quá hạn nhưng xác định khó đòi	-	102.628.050
Dự phòng cho các khoản nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	96.779.500
Dự phòng cho các khoản nợ quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	25.853.641	394.964.241
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	1.175.746.113	636.896.280
Cộng	1.201.599.754	1.231.268.071

6. Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	13.990.652.293	15.283.865.330
Công cụ, dụng cụ trong kho	414.279.083	113.723.150
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.386.683.505	8.628.927.604
Cộng	24.791.614.881	24.026.516.084

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
Chi nhánh Cấp nước và Môi trường Đô thị số 1	-	74.540.000
Chi nhánh Cấp nước và Môi trường Đô thị số 2	-	112.945.001
Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường Đô thị	190.104.611	129.658.332
Cộng	190.104.611	317.143.333

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	738.282.113	649.070.334
Cộng	738.282.113	649.070.334

9. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	306.992.381
Tạm ứng	4.803.807.471	7.156.618.949
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	524.896.108	742.405.534
Cộng	5.328.703.579	8.206.016.864

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại 01/01/2013	184.048.146.869	33.000.161.151	158.514.108.471	1.797.792.539	62.974.933	377.423.183.963
Tăng trong năm	15.668.102.628	6.598.054.204	15.199.095.737	287.161.816	-	37.752.414.385
Giảm trong năm	(2.840.764.760)	(4.619.213.888)	(4.786.400.406)	(1.395.590.722)	(27.464.500)	(13.669.434.276)
Tại 31/12/2013	196.875.484.737	34.979.001.467	168.926.803.802	689.363.633	35.510.433	401.506.164.072
Trong đó TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	35.510.433	35.510.433
Hao mòn lũy kế						
Tại 01/01/2013	18.102.420.593	12.642.809.390	85.449.462.703	1.295.703.143	48.899.328	117.539.295.157
Tăng trong năm	9.424.399.570	3.684.408.363	8.890.728.595	163.801.304	572.175	22.163.910.007
Giảm trong năm	(725.089.767)	(3.721.426.226)	(3.717.144.306)	(1.013.047.511)	(13.961.070)	(9.190.668.880)
Tại 31/12/2013	26.801.730.396	12.605.791.527	90.623.046.992	446.456.936	35.510.433	130.512.536.284
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2013	165.945.726.276	20.357.351.761	73.064.645.768	502.089.396	14.075.605	259.883.888.806
Tại 31/12/2013	170.073.754.341	22.373.209.940	78.303.756.810	242.906.697	-	270.993.627.788

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại 01/01/2013	2.790.859.650	301.588.000	894.160.863	3.986.608.513
Tăng trong năm	452.812.900	10.500.000	-	463.312.900
Giảm trong năm	-	-	(29.460.000)	(29.460.000)
Tại 31/12/2013	3.243.672.550	312.088.000	864.700.863	4.420.461.413
Trong đó TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-
Hoa mòn lũy kế				
Tại 01/01/2013	22.963.600	28.204.065	328.214.677	379.382.342
Tăng trong năm	20.837.522	103.446.010	145.436.485	269.720.017
Giảm trong năm	-	-	(13.911.661)	(13.911.661)
Tại 31/12/2013	43.801.122	131.650.075	459.739.501	635.190.698
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2013	2.767.896.050	273.383.935	565.946.186	3.607.226.171
Tại 31/12/2013	3.199.871.428	180.437.925	404.961.362	3.785.270.715

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013	01/01/2013
Trạm cấp nước Trường Xuân	-	1.173.344.702
Dự án thoát nước và xử lý nước thải	24.631.979.350	17.754.151.168
Mở rộng nghĩa địa nhân dân và lò hỏa thiêu	-	63.728.818
Xây dựng nhà máy nước Thị trấn Tràm Chim - Tam Nông	-	1.219.188.181
Trạm Chi nhánh Bình Thạnh	61.778.182	1.226.293.636
Trạm cấp nước phường 6 - Thành phố Cao Lãnh	2.558.326.364	-
Các công trình khác	9.972.331.110	11.182.660.450
Cộng	37.224.415.006	32.619.366.955

13. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
Cổ phiếu Công ty cổ phần du lịch Đồng Tháp	500.000.000	500.000.000
Cổ phiếu Công ty cổ phần Tư Vấn Cấp thoát nước số 2	84.040.000	84.040.000
Cộng	584.040.000	584.040.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí lắp đặt thủy lượng kế	6.771.864.213	9.167.630.437
Chi phí thuê đất, thuê nhà	570.578.641	609.267.499
Quyền sử dụng đất An Nhơn Châu Thành	-	244.897.960
Quyền sử dụng đất Thanh Bình	-	198.673.860
Chi phí đầu tư hệ thống cấp nước Sa Đéc	875.775.333	20.045.650
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.068.318.446	60.645.836
Chi phí dài hạn khác	739.415.380	-
Cộng	10.025.952.013	10.301.161.242

15. Vay và nợ ngắn hạn

Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2013	Số tiền vay trong năm/ Vay dài hạn đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Đánh giá lại	Tại ngày 31/12/2013
Vay ngắn hạn	3.057.813.783	15.712.998.235	14.334.121.348	-	4.436.690.670
Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Cao Lãnh ^(a)	3.057.813.783	15.712.998.235	14.334.121.348	-	4.436.690.670
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh V.21)	-	3.984.000.000	-	-	3.984.000.000
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Khu vực Đồng Tháp - An Giang	-	3.984.000.000	-	-	3.984.000.000
Cộng	3.057.813.783	19.696.998.235	14.334.121.348	-	8.420.690.670

- (a) Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp theo Hợp đồng tín dụng số 371/13 - HĐTDHM/NHCT720 - DOWASEN ngày 07 tháng 11 năm 2013 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức: 07/11/2013 đến ngày 06/11/2014. Lãi suất được xác định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bởi Tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp.

16. Phải trả cho người bán

	31/12/2013	01/01/2013
Phải trả cho các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty	16.201.396.495	16.659.526.352
- Công ty TNHH Nhà máy nước Đồng Tháp	677.364.975	642.157.262
- Công ty Cổ phần nhựa Tân Tiến	933.398.400	-
- Công ty Cổ phần tư vấn cấp thoát nước và môi trường (WASE)	1.520.036.000	368.686.000
- Các nhà cung cấp khác	13.070.597.120	15.648.683.090
Cộng	16.201.396.495	16.659.526.352

17. Người mua trả tiền trước

	31/12/2013	01/01/2013
Ban Quản lý dự án xây dựng thị xã Sa Đéc	721.099.000	-
Công trình nhà ở sinh viên tập trung thành phố Cao Lãnh	1.237.670.000	-
Phòng tài chính thành phố Cao Lãnh	2.700.000.000	2.700.000.000
Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Hồng Ngự	600.000.000	-
Khách hàng khác	1.608.724.687	3.756.658.498
Cộng	6.867.493.687	6.456.658.498

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau :

	01/01/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2013
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.406.131.156	2.832.715.437	3.528.497.740	710.348.853
Thuế thu nhập doanh nghiệp	686.537.618	1.320.456.275	801.438.211	1.205.555.682
Thuế thu nhập cá nhân	(649.070.334)	462.644.974	551.856.753	(738.282.113)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	215.581.390	215.581.390	-
Thuế tài nguyên	178.536.354	1.778.926.904	1.810.106.250	147.357.008
Thuế môn bài	-	21.000.000	21.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	377.718.069	5.404.965.982	5.383.964.365	398.719.686
Cộng	1.999.852.863	12.036.290.962	12.312.444.709	1.723.699.116

(*) Trong đó:

Số nộp thừa (xem thuyết minh IV.8)

649.070.334

738.282.113

Số còn phải nộp

2.648.923.197

2.461.981.229

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh III.15 và thuyết minh V.9.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	110.970.597
Kinh phí công đoàn	13.882.170	172.496.400
Bảo hiểm xã hội	73.226.929	69.807.920
Bảo hiểm y tế	-	-
Nhân ký quỹ, ký cược ngắn hạn	407.741.000	320.537.000
Bảo hiểm thất nghiệp	2.393.454	-
Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	1.002.692.350	-
Trung tâm phát triển quỹ nhà đất tỉnh Đồng Tháp	6.239.484.241	-
Các khoản khác	3.086.422.112	3.706.526.194
Cộng	<u>10.825.842.256</u>	<u>4.380.338.111</u>

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
Lương phải trả nhân viên	7.500.000.000	-
Số dư tại 31/12	<u>7.500.000.000</u>	<u>-</u>

21. Vay và nợ dài hạn

	Ngân hàng phát triển Việt Nam - Khu vực Đồng Tháp - An Giang	Quỹ đầu tư phát triển Đồng Tháp (*)	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	31.863.451.487	6.219.238.569	38.082.690.056
Vay trong năm	-	3.332.611.818	3.332.611.818
Trả nợ trong năm	3.984.000.000	2.300.028.732	6.284.028.732
Chuyển sang nợ đến hạn trả trong năm 2014	(3.984.000.000)	-	(3.984.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2013	23.895.451.487	7.251.821.655	31.147.273.142

Thông tin chi tiết về các khoản vay dài hạn như sau:

(*) Vay Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp theo hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐTD-QĐTPT ngày 18 tháng 7 năm 2013 để thanh toán Gói thầu Lắp đặt hệ thống xử lý (công nghệ, thiết bị, điện) thuộc Dự án: Mở rộng hệ thống cấp nước huyện Cao Lãnh giai đoạn 1 - công suất 2.400 m³ / ngày đêm. Thời hạn vay: 66 tháng. Lãi suất 9%/năm.

22. Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Xem Phụ lục số 01.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013	Năm 2012
Tổng doanh thu	187.486.659.576	159.460.610.762
Các khoản giảm trừ	15.000	7.848.220
- Hàng bán bị trả lại	15.000	7.848.220
Doanh thu thuần	187.486.644.576	159.452.762.542
Trong đó:		
- Thu gom, vận chuyển rác	28.169.505.848	24.849.527.020
- Nước sinh hoạt	106.918.160.636	98.035.695.902
- Xây lắp	42.896.704.961	29.479.838.173
- Doanh thu khác	9.502.273.131	7.087.701.447

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013	Năm 2012
Thu gom, vận chuyển rác	23.803.470.606	20.427.791.981
Nước sinh hoạt	75.510.601.590	63.104.899.810
Xây lắp	38.062.703.694	26.267.901.553
Giá vốn dịch vụ khác	6.563.650.223	5.846.513.226
Cộng	143.940.426.113	115.647.106.570

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
Lãi tiền gửi ngân hàng	271.350.289	191.837.467
Tiền thu cổ tức	20.000.000	30.910.000
Lãi ký quỹ và bảo hành công trình	8.490.574	9.733.032
Cộng	299.840.863	232.480.499

4. Chi phí tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí lãi vay	955.712.656	2.106.980.383
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái vay Dự án Hà Lan	938.801.981	4.770.446.478
Cộng	1.894.514.637	6.877.426.861

5. Chi phí bán hàng

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí cho nhân viên	8.966.917.218	8.174.952.562
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	8.232.965.461	7.370.733.542
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.778.600.250	2.565.997.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.080.000	3.956.364
Chi phí khác bằng tiền	-	2.010.000
Cộng	19.982.562.929	18.117.649.855

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí cho nhân viên	7.429.566.528	6.702.621.939
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	1.327.917.319	762.971.846
Chi phí khấu hao tài sản cố định	379.420.601	341.442.122
Thuế, phí và lệ phí	491.586.563	147.314.266
Chi phí dự phòng	-	436.137.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	994.579.279	1.243.489.874
Chi phí khác bằng tiền	4.656.893.661	3.146.283.845
Cộng	15.279.963.951	12.780.261.487

7. Thu nhập khác

	Năm 2013	Năm 2012
Thu thanh lý tài sản, vật tư	236.872.272	88.518.181
Thu tiền bồi thường, hỗ trợ công trình: cống tiêu rạch Thầy Cừ - Giai đoạn 9	202.286.093	-
Thu tiền phạt do vi phạm hợp đồng	28.122.000	-
Xử lý số dư quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	1.385.271.277
Các khoản thu nhập khác	397.533.806	341.380.899
Cộng	864.814.171	1.815.170.357

8. Chi phí khác

	Năm 2013	Năm 2012
Thanh lý tài sản cố định	211.572.150	-
Phạt vi phạm hợp đồng	4.703.000	-
Các khoản chi phí khác	234.806.858	94.439.386
Cộng	451.082.008	94.439.386

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được ước tính như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.102.749.972	7.983.529.239
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	162.922
Các khoản chi phí không được trừ	-	162.922
Các khoản điều chỉnh giảm	(20.000.000)	(30.910.000)
Thu nhập không chịu thuế	(20.000.000)	(30.910.000)
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	7.082.749.972	7.952.782.161
Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất phổ thông (25%)	1.770.687.493	1.988.195.540
Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác mức thuế suất 25%	(450.231.217)	(967.848.678)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm trong kỳ tính thuế theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	-	89.378.956
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.320.456.275	1.109.725.818

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Chủ tịch, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2013
Ban kiểm soát	
Tiền thù lao	784.000.000
Chủ tịch, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	
Tiền lương	2.243.000.000

2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, các khoản vay ngân hàng. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty còn có nhiều tài sản tài chính khác như các khoản phải thu thương mại, tiền và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ các hoạt động kinh doanh.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động của Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2013				
Các khoản vay và nợ	3.057.813.783	30.123.238.569	7.959.451.487	41.140.503.839
Phải trả người bán	16.659.526.352	-	-	16.659.526.352
Các khoản phải trả khác	4.380.338.111	-	-	4.380.338.111
Cộng	24.097.678.246	30.123.238.569	7.959.451.487	62.180.368.302
Tại ngày 31/12/2013				
Các khoản vay và nợ	8.420.690.670	27.171.821.655	3.975.451.487	39.567.963.812
Phải trả người bán	16.201.396.495	-	-	16.201.396.495
Các khoản phải trả khác	10.825.842.256	-	-	10.825.842.256
Cộng	35.447.929.421	27.171.821.655	3.975.451.487	66.595.202.563

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không lớn. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty:

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ (VND)				Giá trị hợp lý (VND)	
	31/12/2013		01/01/2013		31/12/2013	01/01/2013
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.399.845.740	-	10.686.342.058	-	19.399.845.740	10.686.342.058
Phải thu khách hàng	42.138.866.352	(1.201.599.754)	37.797.183.568	(1.231.268.071)	40.937.266.598	36.565.915.497
Phải thu khác	808.038.181	-	1.972.055.421	-	808.038.181	1.972.055.421
Cộng	62.346.750.273	(1.201.599.754)	50.455.581.047	(1.231.268.071)	61.145.150.519	49.224.312.976

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Các khoản vay và nợ	39.567.963.812	41.140.503.839	39.567.963.812	41.140.503.839
Phải trả người bán	16.201.396.495	16.659.526.352	16.201.396.495	16.659.526.352
Các khoản phải trả khác	40.438.898.197	26.620.452.350	40.438.898.197	26.620.452.350
Cộng	96.208.258.504	84.420.482.541	96.208.258.504	84.420.482.541

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

- Giá trị hợp lý của tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như khả năng trả nợ của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31/12/2012, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 6 năm 2014

Phạm Chí Thức
Kế toán trưởng

Phan Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Từ Phát Minh
Chủ tịch Công ty



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÓ THỊ ĐỒNG THÁP
Số 01 Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Phụ lục 1

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Tại 01/01/2012	204.526.218.047	5.140.624.790	1.442.600.074	-	71.463.369.865	282.572.812.776
Lợi nhuận năm 2012	-	-	-	6.951.422.670	-	6.951.422.670
Trích lập các quỹ	-	2.808.531.184	695.142.267	-	-	3.503.673.451
Kết chuyển tăng	70.184.016.998	-	-	-	13.101.485.000	83.285.501.998
Kết chuyển giảm	(1.545.055.000)	-	-	(6.951.422.670)	(63.726.639.865)	(72.223.117.535)
Lợi nhuận năm 2012	-	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2012	273.165.180.045	7.949.155.974	2.137.742.341	-	20.838.215.000	304.090.293.360
Tại 01/01/2013	273.165.180.045	7.949.155.974	2.137.742.341	-	20.838.215.000	304.090.293.360
Lợi nhuận năm 2013	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	5.782.293.697	-	5.782.293.697
Kết chuyển tăng khác	-	1.707.936.878	-	(5.693.122.925)	-	(3.985.186.047)
Điều chỉnh giảm lợi nhuận năm trước	14.025.681.095	2.137.742.342	-	-	11.811.118.000	27.974.541.437
Kết chuyển giảm	(3.432.866.608)	(5.097.241.548)	(2.137.742.341)	(89.170.772)	-	(89.170.772)
Tại 31/12/2013	283.757.994.532	6.697.593.646	-	-	26.837.257.000	317.292.845.178

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 6 năm 2014



Phạm Chí Thúc
Kế toán trưởng

Phan Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Từ Phát Minh
Chủ tịch Công ty



Tạo Dựng Uly Tín và Niềm Tin

❖ **Trụ sở chính :**

ĐC : 39/3L Phạm Văn Chiêu, P. 8, Q. Gò Vấp, TP. HCM
ĐT : (08) 3948 3100 - 3948 3101 Fax : (08) 3948 3102
Email : kiemtoandenhat@gmail.com

❖ **Văn Phòng Giao Dịch :**

ĐC : 2/23 Quách Văn Tuấn, Khu K 300, P. 12, Q. Tân Bình, TP. HCM
ĐT : (08) 3948 3100 - 3948 3101 Fax : (08) 3948 3102
Email : fac@fac.com.vn

❖ **Chi nhánh Nha Trang :**

ĐC : 27 Đường B1, Khu Đô Thị Vĩnh Diễm Trung, Phường Vĩnh Hiệp, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT : (058) 389 5777 Fax : (058) 389 3377
Email : fac_cnnhatrang@fac.com.vn

❖ **Chi nhánh Đệ Nhất :**

ĐC : 169 Trương Công Định, P. 3, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
ĐT : (064) 354 3866 - 221 0287 Fax : (064) 625 3070
Email : fac_cnvungtau@fac.com.vn

❖ **Chi nhánh Miền Trung :**

ĐC : 159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam
ĐT : (0510) 222 6889 Fax : (0510) 383 7878
Email : fac_cnmienntrung@fac.com.vn